

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành mức giá tối đa đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà

nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 722/TTr-SNNMT ngày 30/6/2025; Báo cáo thẩm định số 857/BC-SNNMT ngày 30/6/2025 và Báo cáo số 923/BC-SNNMT ngày 10/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức giá tối đa đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, khi có sự thay đổi liên quan đến các quy định, căn cứ áp dụng, điều kiện thực hiện phải tính toán, điều chỉnh lại đơn giá cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm cho dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La và hết hiệu lực thi hành khi UBND tỉnh ban hành giá mới.

Điều 3. Dự toán kinh phí và đơn giá đấu thầu, đặt hàng thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện để nghiệm thu, thanh toán theo quy định.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình ban hành mức giá tối đa tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra,

kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Trưởng Thuế tỉnh Sơn La; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực X; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
- Như Điều 5;
- Công an tỉnh;
- Báo và Đài phát thanh truyền hình Sơn La;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

PHỤ LỤC**Mức thu tối đa đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)*

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
I	Khu vực đô thị loại II		
1	Dịch vụ thu gom CTRSH	Đồng/kg	612
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	222
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức sản xuất mùn kết hợp chôn lấp	Đồng/kg	408
4	Xử lý nước rỉ rác	Đồng/m ³	104.000
5	Vệ sinh bãi tập kết	Đồng/điểm	56.000
II	Khu vực đô thị loại III, IV, V		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	612
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	233
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức chôn lấp	Đồng/kg	100
	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức đốt	Đồng/kg	312
4	Xử lý nước rỉ rác	Đồng/m ³	104.000
5	Vệ sinh bãi tập kết	Đồng/điểm	56.000
III	Khu vực còn lại		
1	Dịch vụ thu gom CTRSH	Đồng/kg	612
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	233
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức chôn lấp	Đồng/kg	100
	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức đốt	Đồng/kg	312
4	Xử lý nước rỉ rác	Đồng/m ³	104.000
5	Vệ sinh bãi tập kết	Đồng/điểm	56.000

Ghi chú: Mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, trong quá trình triển khai thực hiện áp dụng mức thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định hiện hành.